

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc
thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 616/CV- HĐND ngày 23/9/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định;

Xét Tờ trình số 4382/TTr-SGTVT ngày 26/10/2016 của Sở Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định (kèm theo báo cáo thẩm định số 4381/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/10/2016), tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 17/10/2016 của UBND huyện Yên Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.

2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình: Dự án nhóm B, công trình giao thông cấp II.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Yên Định.

5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư đường giao thông ngoài hàng rào cụm công nghiệp, đảm bảo kết nối giao thông đồng bộ, tạo điều kiện thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và phát huy tiềm năng khu vực phía Tây Bắc thị trấn, từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông trong vùng, cải thiện điều kiện đi lại của nhân dân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Yên Định.

6. Nội dung và quy mô đầu tư

6.1. Quy mô đầu tư: Xây dựng mới 6,2km tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (theo tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054-2005).

- Điểm đầu: Km0+00 giao với Quốc lộ 45 tại Km51+930 thuộc địa phận xã Định Bình;

- Điểm cuối: Km6+200 giao với Quốc lộ 45 tại Km46+130 thuộc địa phận xã Định Liên.

6.2. Nội dung và tiêu chuẩn kỹ thuật: Tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng; vận tốc thiết kế $V_{tk}=80\text{km/h}$; kết cấu áo đường đảm bảo $E_y \geq 140\text{Mpa}$; tần suất thiết kế đối với đường, cống và cầu nhỏ $P=4\%$, công trình thoát nước tải trọng thiết kế H30 - XB80.

6.2.1. Bình đồ tuyến: Bình đồ hướng tuyến được thiết kế trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng thị trấn Quán Lào đến năm 2025 và tầm nhìn sau năm 2025 (điểm đầu và điểm cuối trùng với quy hoạch chung, hướng tuyến có điều chỉnh cục bộ so với quy hoạch để hạn chế GPMB và khai thác quỹ đất hai bên đường). Bán kính đường cong nhỏ nhất $R_{\min}=500\text{m}$.

6.2.2. Mặt cắt dọc: Cao độ thiết kế theo quy hoạch chung xây dựng thị trấn có kiểm tra với tần suất thủy văn tính toán $P=4\%$; các điểm khống chế cao độ (điểm đầu, điểm cuối giao với Quốc lộ 45, điểm giao với đường tỉnh 516B, điểm giao với dự án đường từ Quốc lộ 45 đi xã Định Tăng). Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=0,5\%$.

6.2.3. Mặt cắt ngang

- Chiều rộng nền đường $B_n=23\text{m}$;

- Chiều rộng mặt đường: $B_m=15\text{m}$;

- Chiều rộng lề đường: $B_l=2 \times 4\text{m}=8\text{m}$;

- Độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$; độ dốc ngang lề đất $i_{le}=4\%$.

6.2.4. Kết cấu móng, mặt đường

Mặt đường bê tông nhựa chặt C19, móng cấp phối đá dăm; cường độ mặt đường yêu cầu $E_y \geq 140\text{Mpa}$.

- Các vị trí vuốt nổi, mở rộng trên phần đường nhựa cũ được bù vênh bằng bê tông nhựa chặt C19.

- Các vị trí đường ngang được vuốt nổi theo kết cấu hiện trạng: gồm mặt đường bê tông xi măng và mặt đường láng nhựa, móng cấp phối đá dăm.

6.2.5. Nền đường

Nền đường chủ yếu là đắp những vị trí xử lý nền được đào bỏ lớp đất yếu dày trung bình 1m, rải 1 lớp vải địa kỹ thuật đắp trả bằng cát, trên đắp đất đồi đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; lớp sát đáy kết cấu áo đường dày 30cm đạt độ chặt $K \geq 0,98$; gia cố ta luy nền đắp bằng trồng cỏ; mái ta luy đắp 1/1,5.

6.2.6. Nút giao, đường ngang

- Nút giao: Trên tuyến có 04 nút giao, nút giao đầu tuyến Km0 (giao với Quốc lộ 45 tại Km51+930); nút giao tại Km0+997.26 (giao với đường từ Quốc lộ 45 đi xã Định Tăng tại Km0+779); nút giao tại Km1+720 (giao với đường tỉnh 516B tại Km23+058); nút giao cuối tuyến tại Km6+200 (giao với Quốc lộ 45 tại Km46+130). Nút giao được thiết kế giao bằng dạng đơn giản; bán kính đường cong trong nút giao $R \geq 30m$; kết cấu móng, mặt đường như tuyến chính.

- Đường ngang: Vuốt nổi để tạo êm thuận và an toàn giao thông; kết cấu theo đường ngang hiện trạng.

6.2.7. Công trình thoát nước

a) *Thoát nước dọc*: Bằng chảy tỏa và hệ thống rãnh dọc hình thang, kích thước $(40+120) \times 40cm$.

b) *Công trình thoát nước ngang*: Toàn tuyến xây dựng mới 44 cống các loại với khẩu độ cống (1,5-2)m, cầu bản (3,4-5,4)m. Kết cấu cống, cầu nhỏ bằng bê tông và BTCT.

6.2.8. *Hệ thống an toàn giao thông*: Bố trí hệ thống cọc tiêu, cột Km, vạch sơn kẻ đường, biển báo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

(Chi tiết các nội dung có hồ sơ kèm theo)

7. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận xã Định Bình, Định Tường, Định Long và Định Liên, huyện Yên Định.

8. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 17,4ha.

9. Phương án GPMB, tái định cư: UBND huyện Yên Định thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

10. Tổng mức đầu tư:

199.998.540 nghìn đồng.

Trong đó:	- Chi phí bồi thường GPMB	:	30.820.793 nghìn đồng;
	- Chi phí xây dựng	:	128.745.560 nghìn đồng;
	- Chi phí quản lý dự án	:	1.591.369 nghìn đồng;
	- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	5.915.897 nghìn đồng;
	- Chi phí khác	:	8.177.154 nghìn đồng;
	- Chi phí dự phòng	:	24.867.772 nghìn đồng.

(chi tiết tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%, ngân sách huyện đảm bảo 70% tổng mức đầu tư của dự án từ nguồn khai thác quỹ đất trên địa bàn và các nguồn huy động hợp pháp khác.

12. Thời gian thực hiện: 05 năm, từ năm 2017 - 2021.

13. Các bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Chấp thuận danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn trong hồ sơ dự án kèm theo tờ trình của UBND huyện Yên Định.

Điều 2. Giao UBND huyện Yên Định tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 4381/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/10/2016 của Sở Giao thông vận tải và các ngành, đơn vị liên quan.

Ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện Yên Định trên cơ sở kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán của của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, tổ chức phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình trên; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về quyết định của mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Yên Định, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Lưu:VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Tuấn

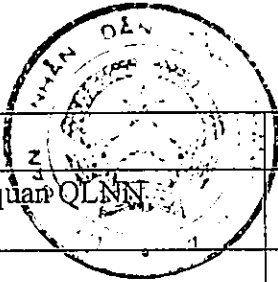
PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Công trình: Tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc
thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.**

(Kèm theo Quyết định số: 918/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	HẠNG MỤC	DIỄN GIẢI	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Dự toán chi tiết	128.745.560.000
II	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, GPMB	Tạm tính	30.820.793.000
III	CHI PHÍ QLDA	1,360% x 117.041.418.182	1.591.369.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		5.915.897.000
1	Thẩm tra TKBVTC	0,066% x1,1x 117.041.418.182	85.543.426
2	Thẩm tra dự toán	0,065% x1,1x 117.041.418.182	83.817.169
3	Giám sát thi công xây dựng	1,343% x1,1x 117.041.418.182	1.729.452.067
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp	0,066% x1,1x 117.041.418.182	84.636.875
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn KSTK, giám sát, kiểm toán	Tạm tính 50 triệu/gói	150.000.000
6	Chi phí khảo sát bước lập DADT	Theo QĐ 1548/QĐ-UBND ngày 03/10/2016	497.578.000
7	Chi phí lập DADT	Theo QĐ 1597/QĐ-UBND ngày 08/10/2016	364.650.000
8	Chi phí khảo sát bước TKBVTC	(Tạm tính)	700.000.000
9	Chi phí lập TKBVTC và DT	1,011% x1,1x 117.041.418.182	1.301.945.192
10	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	(Tạm tính)	280.000.000
11	Chi phí đánh giá tác động môi trường	(Tạm tính)	200.000.000
12	Giám sát, đánh giá dự án	20,000% x 1.591.369.000	318.273.800
V	CHI PHÍ KHÁC		8.177.154.000
1	Rà phá bom mìn	(Tạm tính)	600.000.000
2	Bảo hiểm công trình	0,200% x1,1x 117.041.418.182	257.491.120
3	Thẩm định dự án đầu tư	0,010% x 200.000.000.000	20.000.000
4	Thẩm định TKBVTC	0,053% x 117.041.418.182	61.979.000
5	Thẩm định dự toán	0,052% x 117.041.418.182	60.609.000
6	Thẩm định HSMT và KQĐT gói thầu xây lắp	Tối đa	100.000.000
7	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn KSTK bước TKBVTC	0,100% x 2.001.945.201	2.001.945
8	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn giám sát XD công trình	Tối thiểu	2.000.000
9	Thẩm định HSMT và KQĐT gói thầu tư vấn kiểm toán	Tối thiểu	2.000.000
10	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,338% x 0,5x 200.000.000.000	337.500.000



11	Kiểm toán công trình	0,706% x1,1x 200.000.000.000	1.553.750.000
12	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (Tạm tính)	(Theo Văn bản số 2814/BXD-QĐ ngày 30/12/2013)	30.000.000
13	Chi phí hạng mục chung	Dự toán chi tiết	5.149.822.400
13.1	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	2,00% x 128.745.561.000	2.574.911.200
13.2	Chi phí phục vụ trực tiếp thi công xây dựng công trình	2,00% x 128.745.561.000	2.574.911.200
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		24.867.772.000
1	Cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	10,0% x I+II+III+IV+V	17.513.077.300
2	Cho yếu tố trượt giá	4,20% x I+II+III+IV+V	7.354.695.163
	TỔNG CỘNG	I+II+III+IV+V	199.998.540.000